

Đề thi tín dụng Vietinbank 11/2009

Phần Lí Thuyết

1. Thế nào là bảo đảm tiền vay ? Nêu những hình thức bảo đảm tiền vay? Khái quát từng hình thức bảo đảm ? (1,5đ)
2. Nêu căn cứ xác định số tiền cho vay của ngân hàng thương mại ? Ý nghĩa của việc xác định chính xác số tiền cho vay ? (1,5đ)

Phần trắc nghiệm (2 điểm) có 4 câu, nhiều chữ nên ko chép chỉ biết ý chính là :

- 1 câu nói về : những đối tượng nào ngân hàng ko được phép cho vay
1 câu nói về : đánh giá, phân tích,thẩm định tình hình hoạt động kinh doanh của công ty loại hình công ty mẹ con.
1 câu nói về : bảo lãnh, cầm cố tài sản
1 câu nói về : Cho vay theo hạn mức tín dụng

Phần Bài tập

1. Doanh nghiệp X có nhu cầu vay NH : 2000 triệu đồng để mua thiết bị đầu tư, thời gian thi công, lắp đặt và chạy thử là 7 tháng, đầu tháng 1 năm N+1 đi vào hoạt động ổn định. Trong thời gian hoạt động của dự án là 5 năm, thu nhập và chi phí dự tính hàng năm của doanh nghiệp là :

Năm	N+1	N+2	N+3	N+4	N+5
Doanh thu	3000	3500	4100	4500	4200
Tổng chi phí	3100	3200	3400	3700	3600

- 1) tính lợi nhuận sau thuế và khấu hao hàng năm của dự án ? (1đ)
- 2) Tính thời gian hoàn vốn đầu tư giản đơn ? (1đ)
- 3) Lập kế hoạch trả nợ (theo phương án : trả nợ theo năng lực thực tế của dự án)

Biết rằng : Tỷ lệ khấu hao tài sản cố định : 20%/năm, tiền vay được rút toàn bộ đầu tháng 6/N. Doanh nghiệp được ngân hàng cho vay trả lãi ân hạn, lãi suất 1%/tháng. Tổng chi phí dự toán (chưa có lãi vay ân hạn) bằng 3000, kì luân chuyển vốn trong thời gian hoạt động : 6 tháng, thuế thu nhập doanh nghiệp 25%

2. Một doanh nghiệp có số liệu về tổng chi phí sản xuất hoạt động kinh doanh như sau :

- I. Tổng chi phí sản xuất 40.751
1. Nguyên vật liệu 24.157
2. Năng lượng 1.984
3. Lương, BHXH, phí công đoàn 1.210

4. CFQL phân xưởng 1.034
5. CFQL doanh nghiệp 4.290
6. Phí bảo hiểm tài sản 376
7. Khấu hao tài sản cố định 4.648
8. CF sửa chữa thường xuyên 249
9. CF sửa chữa TSCĐ 369
10. Lãi vay 2.310
11. CF khác 124

vòng quay vốn lưu động là 2 vòng/năm

Tính nhu cầu vốn lưu động trong năm hoạt động? (2 điểm)
(sưu tầm)

Đề thi tuyển Eximbank

Câu 1. Tín dụng bao gồm những nghiệp vụ nào?

Câu 2. Khi tỷ giá vnd/usd tăng thì khác hàng đang vay chi những tác động (rủi ro) nào. hãy nêu các biện pháp của nhà nhập khẩu nhằm tránh tình trạng rủi ro tỷ giá?

Câu 3. Khi mở L/C cho khách hàng ngân hàng có những nhiệm vụ nào? Làm thế nào để ngân hàng có thể hạn chế rủi ro?

Câu 4. 1 câu bài tập cho các số liệu rồi phân nó ra nguồn vốn và tài sản + tính mấy thứ linh tinh nhưng chả cần dùng tới mấy tính thía mới điên.

Đề thi Liên Việt bank

A. Nghiệp vụ tín dụng

Câu 1: Các NHTM đc xếp hạng theo PP (tiêu chí) Camels, hãy nêu nội dung những tiêu chí này.

Câu 2: Rủi ro tín dụng là gì? Phân tích các chỉ tiêu phản ánh rủi ro tín dụng

Câu 3: Khi tính toán số tiền cho DN vay, CBTD xác định đc tổng nhu cầu vay vốn lưu động hợp lý kỳ này của DN là 2 tỷ (DN chỉ vay 1 ngân hàng) tuy nhiên tài sản có thể thế chấp của DN chỉ có giá trị 1,8 tỷ. Là CBTD nên giải quyết ntn? (đưa ra 1 vài phương án)

Tài sản Số dư Lãi suất Nguồn vốn Số dư Lãi suất

Nguồn quỹ 180 1% Nguồn trả lãi 1200 8%

Tín dụng 1000 12% Nguồn khác

Tài sản khác 120 0

Giả sử thu khác - thu khác = -5, thuế suất thuế thu nhập DN là 28%, nợ xấu dùng thu lãi chiếm 6%, dư nợ dự phòng phải trích trong kỳ là 2. Hãy tính ROA

B. Giao dịch:

I - Lý thuyết

- 1- Hãy trình bày chế độ kế toán hiện hành của chứng khoán sẵn sàng bán ra?
- 2- Trong giao dịch thư điện tử, vì sao chỉ có lệnh huỷ nợ chứ không có lệnh huỷ có?
- 3 - Hãy kể những nghiệp vụ chuyển tiền liên ngân hàng đang được sử dụng hiện nay?

II - Bài Tập

Bài 1: Một khoản vay 1 tháng, số tiền 200 triệu được ngân hàng giải ngân bằng tiền mặt ngày 10/6/N với lãi suất 1,2%/tháng. Gốc và lãi trả cuối kỳ. Tài sản đảm bảo trị giá 250 triệu. Ngày 10/7/N, khách hàng đến trả lãi và gốc vay. Biết rằng ngân hàng hoạch toán dự thu, dự trả lãi vào đầu ngày cuối tháng và đầu ngày cuối kỳ của tài sản tài chính. Lãi suất quy định cho một khoảng thời gian đúng 30 ngày. Ngân hàng tính lập dự phòng rủi ro phải thu khó đòi vào ngày 5 hàng tháng cho các khoản nợ tính đến cuối tháng trước, kế toán hoàn nhập dự phòng ngay sau khi kết thúc hợp đồng vay.

Hãy trình bày các bút toán liên quan đến khoản vay này (bỏ qua bút toán kết chuyển doanh thu, chi phí để XĐKQKD)

Bài 2: Cho biết tình hình TS và Nguồn vốn của NHTM X vào đầu kỳ như sau:

- Phát hành GTCG: 1.400tỷ
- Cho vay: 9.800tỷ
- Vốn tài trợ, uỷ thác đầu tư: 350tỷ
- Chứng khoán đầu tư: 420tỷ
- Tiền gửi của TCTDkhác: 1.120tỷ
- TSCĐ và TS khác: 2100 tỷ
- Vốn và quỹ: 1.610tỷ
- Tiền mặt: 980 tỷ
- Tiền gửi của khách hàng: 9.520tỷ
- Tiền gửi tại TCTD và CKCP ngắn hạn: 700tỷ

Trong kỳ các nghiệp vụ đã phát sinh:

1. Thu hồi lãi vay 1.176 tỷ, trong đó 700tỷ tiền mặt, còn lại qua tài khoản tiền gửi của khách hàng
2. Thu lãi đầu tư chứng khoán 42 tỷ qua tiền gửi tại TCTD khác
3. Trả lãi tiền gửi của khách hàng 666,4tỷ bằng tiền mặt
4. Thu khác bằng tiền mặt 21 tỷ. Chi phí khác bằng tiền mặt 7 tỷ
5. Trả lương cho nhân viên ngân hàng 252 tỷ qua TK tiền gửi. Trong kỳ các nhân viên NH đã rút tiền mặt 210tỷ
6. Thanh toán tiền lãi GTCG do NH đã phát hành 105 tỷ đồng

Yêu cầu:

- Lập bảng CĐKT đầu kỳ
- Xử lý và hoạch toán các nghiệp vụ nêu trên vào TK thích hợp
- Lập bảng CĐKT cuối kỳ